

Số: **03** /2022/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **28** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ năm học 2021-2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 239/TTr-SGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 1 Điều 7 như sau:

“b) Mức thu tiền học thêm do cha, mẹ học sinh và nhà trường thỏa thuận nhưng mức thu không vượt quá quy định tại Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ năm học 2021-2022.

c) Quản lý, sử dụng tiền dạy thêm, học thêm:

- 80% chi trực tiếp cho giáo viên dạy;

- 15% chi bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhân viên, người phục vụ hoạt động dạy thêm, học thêm;

- 5% chi mua sắm đồ dùng dạy học, tiền điện nước, vệ sinh, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm;

- Các nội dung quản lý, sử dụng tiền dạy thêm phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, người lao động và đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo công khai minh bạch.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Thời gian dạy thêm, học thêm: Không tổ chức dạy thêm, học thêm từ 11h30’ đến 13h30’, sau 21h30’ hàng ngày và vào các ngày nghỉ lễ do Nhà nước quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Thanh tra, kiểm tra

Thực hiện theo Điều 21 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo Điều 22 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.”.

Điều 2. Bãi bỏ cụm từ, khoản, điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái:

1. Bãi bỏ các cụm từ sau:

a) “hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm” tại khoản 1 Điều 1 Chương I.

b) “cá nhân” tại khoản 3 Điều 7 Chương II.

c) “thẩm định và cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm”, “thực hiện gia hạn, thu hồi giấy phép dạy thêm, học thêm theo thẩm quyền” tại khoản 2 Điều 15 Chương IV.

d) “thẩm định và cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm; gia hạn; thu hồi giấy phép dạy thêm đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm” tại Khoản 1 Điều 17 Chương IV.


2. Bãi bỏ các Điều 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 19; khoản 3 Điều 2; khoản 4 Điều 4; khoản 2 Điều 7; khoản 1 và khoản 6 Điều 10; khoản 1 và khoản 4 Điều 16.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~07~~ tháng ~~02~~ năm 2022

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Lưu: VT, TH, VX. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Hiền Hạnh